

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Số: 244/UBND-KTTH

Minh Long, ngày 18 tháng 3 năm 2024

V/v đăng ký diện tích tưới và xây dựng dự toán kinh phí cấp bù giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024.

Kính gửi:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- Phòng NN&PTNT huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã.

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 02/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng, sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Căn cứ Quyết định 1065/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, về việc phê duyệt diện tích, biện pháp tưới, tiêu dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 52/2023/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Để có số liệu xây dựng dự toán và phân khai kinh phí cấp bù giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024. Chủ tịch UBND huyện yêu cầu các phòng: phòng Tài chính-Kế hoạch huyện, phòng Nông nghiệp & PTNT huyện và UBND các xã khẩn trương thực hiện các nội dung sau:

1. Đối với UBND các xã.

- Rà soát diện tích và biện pháp tưới, tiêu cấp bù giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 theo Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 20/7/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, về việc phê duyệt diện tích, biện pháp tưới, tiêu dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Tổ chức họp với hộ dùng nước lập biên bản chốt diện tích tăng, giảm và bản kê (theo biểu mẫu 01 đính kèm);

- Trên cơ sở chốt diện tích theo biên bản diện tích tăng, giảm, xây dựng dự toán năm 2024, tổ chức thực hiện ký hợp đồng đặt hàng cung ứng và sử dụng dịch vụ cấp nước, tưới nước và tiêu nước của các công trình thủy lợi phục vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp trên địa bàn các xã năm 2024 theo các quy định hiện hành của Nhà nước, cụ thể:

a) Trình tự thủ tục, hồ sơ biểu mẫu: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 178/2014/TT-BTC ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về tài chính khi thực hiện đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch đối với các đơn vị làm nhiệm vụ quản lý khai thác công trình thủy lợi.

b) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi: tại Quyết định số 52/2023/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

c) Lập dự toán sử dụng nguồn cấp bù giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024, trong đó ưu tiên sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi xuống cấp (theo biểu mẫu 02 đính kèm).

- UBND các xã tổ chức kiểm tra các công trình thủy lợi bị hư hỏng, đăng ký danh mục công trình cần duy tu, sửa chữa đưa vào dự toán sử dụng nguồn cấp bù giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024.

2. Đăng ký diện tích tưới gửi về phòng NN&PTNT huyện, và dự toán giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 gửi về phòng Tài chính - Kế hoạch huyện đồng thời gửi file mềm qua địa chỉ alo.0914995005@gmail.com trước ngày 22/3/2024.

3. Giao Phòng NN&PTNT huyện phối hợp phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổng hợp trình UBND huyện phê duyệt.

UBND huyện đề nghị phòng Nông nghiệp và PTNT huyện và UBND các xã triển khai thực hiện các nội dung như trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện
- VP HĐND-UBND huyện;
- Lưu: VT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đinh Thị Xuân Hương

ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 02

Phụ lục 02: DỰ TOÁN SỬ DỤNG NGUỒN KINH PHÍ HỖ TRỢ SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI NĂM 2024

(Kèm theo Công văn số: /UBND-KTTH ngày /3/2024 của UBND huyện Minh Long.)

| Nội dung công việc thực hiện | | Tổng dự toán năm 2024 | | |
|------------------------------|--|-----------------------|------------------------------|---|
| TT | Khối lượng | kinh phí | Giá trị khối lượng thực hiện | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I | Chi quản lý | | | |
| 1 | Tiền lương | | | |
| 2 | Các khoản chi trả theo lương | | | |
| | | | | |
| | chi khác | | | |
| II | Chi sửa chữa, nạo vét thường xuyên | | | |
| a | Công tác quản lý, vận hành, nạo vét kênh mương, dẫn thủy, điều tiết đập kiên cố | | | |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| b | Quản lý, vận hành và bảo vệ đập tạm, đập bồi | | | |
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| II | Chi sửa chữa lớn | | | |
| 1 | Sửa chữa nâng cấp) kênh X (khối lượng | | | |